

Bản án số: 302/2019/DS-PT

Ngày: 16-4-2019

V/v: Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Bích Loan

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Quách Thanh Bình

2. Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:**  
Ông Hồ Văn Cảm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 09 tháng 4 năm 2019 đến ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2019/TLPT- DS ngày 25 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 756/2018/DSST ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1058/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2019/QĐPT - DS ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1937

Địa chỉ: số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H.

Tạm trú: số 18/4 (số cũ 18/2/23) đường Trương Phước Phan, phường BTĐ, quận BT, Thành phố H. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 181 đường BHN, Phường B, Quận N, Thành phố H. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 750/17 đường ĐBP, Phường M, Quận M, Thành phố H. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn M - nguyên đơn và bà Trần Thị Duy L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hoài V (đã mất ngày 03.8.2005) chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4.1974. Ông M và bà V có 03 (ba) người con chung tên Nguyễn Thị Minh P, Nguyễn Minh V và Nguyễn Thị Minh H; bà V có cha là ông Nguyễn Văn M (đã mất năm 2012) và mẹ là bà Nguyễn Thị E (đã mất ngày 18.01.2008).

Trong thời gian sống chung, ông M và bà V có tạo lập căn nhà tọa lạc tại số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H (nhà hiện ông V đang quản lý, sử dụng). Do ông V không thực hiện yêu cầu chia thừa kế nên phát sinh tranh chấp.

Ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận  $\frac{1}{2}$  Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H là di sản của bà V để lại cho ông M, ông V, bà P và bà H đồng thời công nhận toàn bộ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở nói trên cho ông M, ông M có trách nhiệm giao lại cho ông V, bà P, bà H mỗi người 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng (tương đương  $\frac{1}{8}$  giá trị 01 suất thừa kế).

Ông V có trách nhiệm giao nhà và toàn bộ giấy tờ sở hữu nhà và đất trên cho ông M. Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực mà ông V không thực hiện việc giao giấy tờ căn nhà nêu trên thì ông M có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại giấy tờ nhà đất theo quy định pháp luật.

*Ông Nguyễn Minh V - bị đơn trình bày:*

Ông là con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hoài V, ông M và bà V có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh P, Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Minh H và có tài sản chung là căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M như lời trình bày của nguyên đơn. Trước đây ông M đã cam kết chỉ nhận 1/3 giá trị căn nhà nên ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông M mà chỉ đồng ý giao cho ông M số tiền là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

*Bà Nguyễn Thị Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H là của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hoài V tạo lập. Bà Phương và bà H đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông M.

Các đương sự cùng thống nhất căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H có giá trị là 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng, không yêu cầu định giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 756/2018/DSST ngày 17 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 138; Điều 611, Điều 612; Điều 623 và Điều 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 2; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

Xác định di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Hoài V chết để lại là ½ giá trị Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở - hồ sơ gốc số 10697/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 22.9.2000). Trị giá di sản là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

Các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị Hoài V gồm ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Minh P, ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H mỗi người được hưởng kỷ phần là 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng.

Ông Nguyễn Văn M được sở hữu căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H đồng thời có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh P, ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H mỗi người 01 suất thừa kế tương đương số tiền là 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ông M thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho các đồng thừa kế như đã nêu trên, ông V có trách nhiệm giao lại cho ông My toàn bộ giấy tờ căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường 14, Quận M, Thành phố H trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực. Quá thời hạn nêu trên, ông M có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp lại giấy tờ nhà theo quy định.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 24.01.2019, ông Nguyễn Minh V kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M không rút, thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đồng thời đề nghị y án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh V cho rằng hiện ông My đã kết hôn với người khác, bên cạnh đó căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H đang có người muốn mua nhưng ông V, bà H và bà P không muốn bán nên ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H – người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh V còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Qua kiểm sát hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa cùng lời thừa nhận của các bên đương sự có cơ sở xác định ½ giá trị căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H tương đương số tiền là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng là di sản của bà Nguyễn Thị Hoài V để lại cho các đồng thừa kế là ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Minh V, bà Nguyễn Thị Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H.

Căn nhà nói trên ông M và bà V được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở ngày ngày 22.9.2000. Căn cứ quy định của pháp luật, khi chia thừa kế thì ông M được nhận 5/8 căn nhà, ông V, bà P và bà H mỗi người được nhận 1/8 căn nhà; khi khởi kiện và trong suốt quá trình tố tụng ông M yêu cầu được nhận hiện vật do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông M được sở hữu toàn bộ căn nhà đồng thời buộc ông M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P, ông V và bà H mỗi người 01 suất thừa kế tương đương số tiền 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng là phù hợp, ông V kháng cáo không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông M là không có cơ sở.

Từ những phân tích như đã nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 756/2018/DSST ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh V phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các giấy tờ khai sinh, khai tử cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở để xác định:

[2.1]. Về hàng thừa kế:

Bà Nguyễn Thị Hoài V (mất ngày 03.8.2005) không để lại di chúc. Bà V có cha là ông Nguyễn Văn M (theo lời trình bày và thừa nhận của các đương sự thì ông M mất năm 2012) và mẹ là bà Nguyễn Thị E (mất năm 2008), bà V chung sống với ông Nguyễn Văn M có 03 người con chung là bà Nguyễn Thị Minh P, ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H; do ông M và bà E (là

cha, mẹ bà V) mất sau bà V nên hàng thừa kế thứ nhất của bà V theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự gồm có 06 người là ông M, bà P, bà H, ông V, ông M và bà E. Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, ông V cho rằng ngoài bà V thì ông M và bà E còn có 04 người con khác là ông Nguyễn Phước H, ông Nguyễn Phước A, bà Nguyễn Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị V; tuy nhiên, ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, phía ông M thì không thừa nhận. Bên cạnh đó, khi Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh BT và Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BÐ, tỉnh BT thì không thu thập được giấy khai sinh của ông Hoà, ông A, bà A và bà V do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà V gồm ông M, bà P, bà H và ông V là có cơ sở.

[2.2]. Về di sản thừa kế:

Căn cứ Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở (theo hồ sơ gốc số 10697/2000) của Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 22.9.2000 và lời khai trình bày, xác nhận của các đương sự thì căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H là tài sản chung của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hoài V tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Ngày 03.8.2005 bà V mất, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 612 Bộ luật dân sự thì di sản của bà V được xác định là  $\frac{1}{2}$  căn nhà thuộc sở hữu chung với ông M, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự thống nhất giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H là 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng, không yêu cầu định giá và không có khiếu nại về giá; do đó, di sản của bà V (là  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H) được xác định tương đương số tiền là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

[3.3]. Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh V, Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, khi xem xét yêu cầu chia thừa kế của ông M, các bên đương sự không có yêu cầu xem xét về công sức đóng góp đối với căn nhà yêu cầu chia thừa kế nên phân giá trị di sản của bà V được chia đều cho các đồng thừa kế, trong đó ông M, bà P, ông V và bà H mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế là 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M yêu cầu được nhận nhà, các bên thừa nhận ông V là người đang quản lý, sử dụng nhà tuy nhiên ông V xác định ông không có khả năng hoàn trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác; bên cạnh đó, do phần di sản của bà V được chia cho các đồng thừa kế nằm trong khối tài sản chung với ông M do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông M được quyền nhận căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H đồng thời buộc ông M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P, ông V và bà H mỗi người 01 suất thừa kế tương đương với số tiền 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng là phù

hợp nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Minh V kháng cáo cho rằng do ông M đã kết hôn với người khác và ông cùng với bà P, bà H không muốn bán căn nhà nói trên nên không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông My là không có cơ sở.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh P, ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm trên tổng số tiền được nhận thừa kế. Riêng ông Nguyễn Văn M được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Đối với án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên ông V phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 611, Điều 612; Điều 623 và Điều 651 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 756/2018/DSST ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M Thành phố H,

1. Xác định ½ (một phần hai) giá trị Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở - hồ sơ gốc số 10697/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 22.9.2000) tương đương số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng là di sản của bà Nguyễn Thị Hoài V để lại cho các đồng thừa kế gồm: ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Minh P, ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H.

Ông My được quyền nhận căn nhà số 451/29/49 đường Tô Hiến Thành, Phường MB, Quận M, Thành phố H đồng thời có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P, ông V và bà mỗi người 01 suất thừa kế tương đương số tiền là 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng. Thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông V phải giao cho ông My các giấy tờ có liên quan đến căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H. Hết thời hạn nêu trên, nếu ông V không thực hiện thì ông M được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp lại các giấy tờ có liên quan đến căn nhà theo quy định.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế như đã nêu trên, ông M được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu đối với căn nhà số 451/29/49 đường THT, Phường MB, Quận M, Thành phố H.

## 2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh P, ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H mỗi người phải chịu 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng. Riêng ông Nguyễn Văn M không phải chịu.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được tính căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo các biên lai số AA/2018/0016947 ngày 24.01.2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M. Ông V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao, VKSND tối cao;
- TAND tối cao, VKSND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- TAND cấp cao, VKSND cấp cao;
- VKSND TP.H;
- TAND Q.M;
- THADS Q.M;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp TP.H;
- Lưu VT, lưu HSVA.

**Đặng Thị Bích Loan**